

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT PHỐ XUÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT PHỐ XUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHO XUAN INTERIOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHO XUAN INTE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106794722

**3. Ngày thành lập:** 19/03/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9, ngách 85/35/2 Tổ 5, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043.7571903

Fax:

Email: [tuank.arch@gmail.com](mailto:tuank.arch@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                | 2740     |
| 2.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                        | 2750     |
| 3.  | Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                   | 1610     |
| 4.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                | 1621     |
| 5.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                          | 1622     |
| 6.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                          | 1623     |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                         | 1629     |
| 8.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                              | 5022     |
| 9.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                        | 5210     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                              | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng | 4663     |
| 12. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                           | 4741     |
| 13. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4742     |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4752     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                          | 4753 |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4759 |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                                                                     | 5621 |
| 19. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                        | 3100 |
| 20. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất các thiết bị bảo vệ an toàn<br>- Sản xuất các sản phẩm cho con người: tàu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày | 3290 |
| 21. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                | 4100 |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                            | 4210 |
| 23. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                         | 4220 |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Công trình thể thao ngoài trời<br>- Xây dựng đường hầm                                                                                                                                                                  | 4290 |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311 |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                      | 4322 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ;</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, cầu thang tự động,</li> <li>+ Các loại cửa tự động,</li> <li>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329 |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330 |
| 31. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> <li>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> </ul> </li> <li>- Các công việc dưới bề mặt ;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời ;</li> </ul> | 4390 |
| 32. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641 |
| 33. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649 |
| 34. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 35. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659                                                                |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh<br>- Bán lẻ đồng hồ và trang sức                                                                                                                          | 4773                                                                |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng                                                                                                                                                                          | 4789                                                                |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933                                                                |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230                                                                |
| 41. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                   | 7410(Chính)                                                         |
| 42. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                    | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: KIỀU ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 001085000568

Ngày cấp: 18/07/2013

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 9, ngách 85/35/2 Tổ 5, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 9, ngách 85/35/2 Tổ 5, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: KIỀU ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 24/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001085000568

Ngày cấp: 18/07/2013

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 9, ngách 85/35/2 Tổ 5, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 9, ngách 85/35/2 Tổ 5, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**10. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội